TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng
Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và điểm cầu thành phần là trụ sở Nhà tạm giữ - Công an huyện T, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HS ngày 10/4/2023, đối với bị cáo:

ÂU VĂN T (T**), sinh ngày 08/6/1986 tại tỉnh Đồng Nai.**
Trú tại: Tổ A, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Nghề nghiệp: Thợ sơn nước Trình độ học vấn: 6/12
Dân tộc : Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Công giáo Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Âu Văn P và bà Ngô Thị Ánh T1.
Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con đầu.
Vợ là Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1991, có 02 con chung (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020).
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị giam giữ từ ngày 13/01/2023. *(Có mặt)*

**** Bị hại:*** Bà Kiều Thị Cam L, sinh năm 1994; Trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ A, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1980; Trú tại: Tiệm V, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Nguyễn Kiều Lệ T2, sinh năm 1987; Trú tại: Tiệm V, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**** Người làm chứng:***

1/ Ông Phạm Văn M, sinh năm 1969

2/ Ông Dương Văn Â, sinh năm 1985

(Bà H *có mặt, các đương sự khác đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 15/11/2022, Âu Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 60H1-533.84 đến Phòng khám Đ thuộc ấp T, xã H 3, huyện T để khám bệnh. Trong lúc gửi xe tại tầng hầm thì T3 dắt xe mô tô biển số 60H1-379.23 của bà Kiều Thị Cam L (là người khám bệnh) cho gọn lại, lúc này do yên xe của bà L bị bật lên nên T nhìn thấy 01 hộp đựng trang sức màu đỏ bên trong có 03 nhẫn vàng gồm (01 nhẫn bằng vàng, loại 18k, nhẫn tròn, đường kính 16mm, bề mặt nhẫn bóng không có chi tiết, khối lượng 08 phân; 01 nhẫn bằng vàng, loại 18k, nhẫn tròn, đường kính 16mm, bề mặt nhẫn bóng không có chi tiết, khối lượng 05 phân và 01 nhẫn bằng vàng, loại 18k, nhẫn tròn, đường kính 16mm, bề mặt có viền chi tiết hoa văn, trên nhẫn có đính 01 viên đá màu trắng đường kính 1mm, khối lượng 6.4 phân). T lén lút trộm cắp 03 nhẫn vàng cất giấu vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô 60H1-533.84 về nhà. Đến khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 16/11/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 60H1-533.84 đưa 02 nhẫn vàng, gồm (01 nhẫn bằng vàng, loại 18k, nhẫn tròn, đường kính 16mm, bề mặt nhẫn bóng không có chi tiết, khối lượng 08 phân và 01 cái nhẫn bằng vàng, loại 18k, loại nhẫn tròn, đường kính 16mm, bề mặt nhẫn bóng không có chi tiết, khối lượng 05 phân) đến bán tại tiệm vàng "Kim Phong N1" tại ấp B, xã H 3, huyện T do bà Nguyễn Thị Thủy N làm chủ được 3.915.000 đồng. Sau đó, T3 tiếp tục đưa nhẫn

vàng còn lại đi đến bán tại tiệm vàng "Ngọc Thanh A" tại ấp A, xã B, huyện T do bà Nguyễn Kiều Lệ T2 làm chủ được 1.999.000 đồng. Tổng số tiền T bán vàng được là 5.914.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Ngày 05/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu định giá tài sản bị chiếm đoạt. Tại bản Kết luận số 87/KL-HĐĐGTS ngày 09/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: 03 nhẫn vàng (đã qua sử dụng), có trị giá 7.944.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thuộc UBND huyện T kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 60H1-533.84 có trị giá là 9.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Âu Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Quá trình điều tra bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKS-TB ngày 27/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với bị cáo Âu Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Âu Văn T từ 10 tháng đến 16 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 6.000.000 đồng (là tiền bán 3 nhẫn vàng) bị cáo T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Cẩm H (vợ bị cáo T) đã đại diện cho bị cáo bồi thường cho bà Kiều Thị Cam L số tiền 8.000.000đ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 6.000.000đ cho bị cáo T nên không đề nghị xử lý.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số: 60H1-533.84, số máy: JF58E0444789, số khung: RLHJF5809EY559026 là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng bà H không biết. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu nhận lại xe và đóng lại số tiền 4.500.000đ nên đề nghị Tòa tuyên trả xe nêu trên cho bà H và tịch thu, sung công số tiền 4.500.000đ.

- Đối với 01 USB, hiệu Sandisk, dung lượng 16GB lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Kiều Thị Cam L đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Âu Văn T đã lợi dụng sơ hở khi cốp xe mô tô biển số 60H1-379.23 của bà Kiều Thị Cam L bị bật lên trong lúc bị cáo dắt xe gọn lại tại Phòng khám Đ thuộc ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bị cáo nhìn thấy 01 hộp đựng trang sức màu đỏ bên trong có 03 nhẫn vàng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, lén lút, quan sát và lấy 03 nhẫn vàng cất giấu vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô 60H1-533.84 về nhà. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.944.000đ. Do đó, bị cáo đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp các quy định trừng phạt của pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống tuân thủ pháp luật.

[4] Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo (BL 77) nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với số tiền 6.000.000đ do bị cáo T giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Kiều Thị Cam L

số tiền 8.000.000đ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại số tiền trên cho bị cáo là phù hợp.

[5.2] Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số: 60H1-533.84, số máy: JF58E0444789, số khung: RLHJF5809EY559026 là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng bà Nguyễn Thị Cẩm H không biết. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu nhận lại xe và đồng ý đóng ½ trị giá xe, tương đương số tiền 4.500.000đ nên cần trả lại xe mô tô nêu trên cho bà H được quyền sở hữu và bà H có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ.

[5.3] Đối với 01 USB, hiệu Sandisk, dung lượng 16GB có chứa dữ liệu hình ảnh về hành vi phạm tội của bị cáo, cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – bà Kiều Thị Cam L đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (BL 76) và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị về phần hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo thực hiện nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Âu Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Âu Văn T **(T) 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số: 60H1-533.84, số máy: JF58E0444789, số khung: RLHJF5809EY559026 cho bà Nguyễn Thị Cẩm H. (*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*)

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Đương sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ CA h.Trảng Bom;
- Công an h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thùy Dung